

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
sửa đổi trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-
CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Thuận về việc giải thể Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, chuyển
chức năng quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm về Sở Y tế để thành
lập Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4747/TTr-SYT ngày
27/10/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bình Thuận (*chi tiết tại Phụ lục I*).

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*chi tiết tại Phụ lục II*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Sở TT&TT (phối hợp cập nhật các phần mềm);
- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.Huy

CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Phong

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 3098 /QĐ-UBND ngày 12 /11 /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH THUẬN**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)**

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
I. Thủ tục hành chính sửa đổi (06 TTHC)									
1. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (06 TTHC)									
1	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	07 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	1.500.000/ lần/sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
2	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	07 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	1.500.000/ lần/sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. - Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	

3	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi.	10 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. 	Mức độ 2	Có	1.200.000/lần/sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	03 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. 	Mức độ 2	Không	1.500.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 đồng), tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
5	2.001191	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức	07 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính 	Mức độ 2	Không	1.500.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 đồng),	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính

		kiểm tra chặt		công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.			tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng	phủ. - Thông tư số 279/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
6	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Y tế.	Mức độ 2	Có	- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở. - Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000đồng/lầ n/cơ sở. - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở. - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/ lần/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 279/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.